TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày: 26 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Thái Trung Nghĩa
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 406/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị C, sinh năm 1965; Địa chỉ: ấp X, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp Đ, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023 (BL01), cũng như trong quá trình giải quyết án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày:

Bà C và bà Nguyễn Thị N, có quan hệ là bà con cô cậu, do bà N không mua được thức ăn nuôi tôm nên bà C liên hệ mua thức ăn tôm giúp cho bà N, bà N có trả dần đến năm 2013 chốt sổ thì bà N còn nợ bà C tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), sau đó bà N không thanh toán tiền cho bà C nữa, đến năm 2017 vì bức xúc bà N không trả nợ nên bà C có đơn gửi Tổ hòa giải ấp Đ, xã V, thị xã V yêu cầu giải quyết. Sau đó, Tổ hòa giải có đưa vụ việc ra hòa giải thì bà N thừa nhận có nợ bà C số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Sau khi được tổ hòa giải thì bà N có trả cho bà C thêm được 15.000.000 đồng, còn lại

25.000.000 đồng thì đến nay bà N không trả nữa.

Nay tại phiên tòa bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà C số tiền mua dùm thức ăn tôm còn nợ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), bà C không yêu cầu tính lãi suất.

Tại tờ tường trình ngày 26/6/2024 (BL60), biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2024 (BL57) bà Nguyễn Thị N trình bày: Khoảng 20 năm về trước thì chồng bà N là ông Nguyễn Văn M có làm ăn nuôi tôm và có mua thức ăn tôm của bà Nguyễn Thị C1, việc mua bán, tiền bạc giữa bà C1 và chồng bà N cụ thể như thế nào thì bà N hoàn toàn không hề hay hay biết. Vào năm 2017 thì bà C1 có nộp đơn lên tổ hòa giải ấp Đ kiện chồng bà N, nói rằng chồng bà N là ông Nguyễn Văn M còn thiếu tiền mua thức ăn tôm của bà C1 số tiền là 40.000.000 đồng và cả gia đình bà C1 liên tục đến nhà bà N để mắng chửi, gây áp lực yêu cầu bà N phải trả tiền. Lúc này chồng bà N là ông Nguyễn Văn M đang điều trị bệnh thủng bao tử tại bệnh viện Đ mới được xuất viện trở về nhà nên sức khỏe rất yếu không nói chuyện được. Do lúc đó bà N sợ hãi gia đình bà C1 sẽ hành hung chồng bà N nên bà N có trả cho bà C1 số tiền là 15.000.000 đồng và ký nhận nợ 25.000.000 đồng tại biên bản hòa giải của tổ hòa giải ấp Đ (những việc này thì chồng bà N không hề hay biết) mục đích chỉ là để gia đình bà C1 để yên cho chồng bà N, thực tế bà N không hề biết chồng bà N có thiếu tiền bà C1 hay không. Đến sau này khi chồng bà N khỏe lại bà N mới biết sự thật là chồng bà N không hề thiếu nợ tiền thức ăn của bà C1, là do bà C1 đã gây áp lực lừa dối bà N để bà N ký tên vào biên nhận nợ. Do đó bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C và không đồng ý trả số tiền nợ thức ăn tôm 25.000.000 đồng vì bà N không có thiếu nợ bà C.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Về quan hệ pháp luật tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp đòi lại tài sản".

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã có đầy đủ cơ sở để khẳng định việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quyết định nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà N theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Khi thụ lý Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là chưa chính xác nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp đòi lại tài sản" cho phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho bà C số tiền còn nợ mua dùm thức ăn tôm là 25.000.000 đồng và bà C cũng không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu, chứng cứ chứng minh: nguyên đơn cung cấp biên bản hòa giải ngày 12/3/2017 (BL54), tờ cam kết ngày 13/3/2017 (BL06).

[4] Lời trình bày của bị đơn tại tờ tường trình ngày 26/6/2024 (BL60) không thừa nhận có nợ tiền của nguyên đơn bà Trần Thị C Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo biên bản hòa giải cơ sở ngày 12/3/2017 (BL54) bà N thừa nhận còn nợ bà C số tiền 40.000.000 đồng, đến ngày 13/3/2017 (BL06) bà N có ký tên vào tờ cam kết là còn nợ bà C số tiền 40.000.000 đồng và cam kết trả trong vòng 04 năm mỗi năm là 10.000.000 đồng. Tại biên bản ghi lời khai tại Tòa án vào ngày 26/6/2024 (BL58) bà N thừa nhận chữ ký, chữ viết trong biên bản hòa giải cơ sở ngày 12/3/2017 và tờ cam kết ngày 13/3/2017 là của bà N. Thấy rằng khi bà N ký vào biên bản ngày 12/3/2017 lúc đó có chồng bà N là ông Nguyễn Văn M và thành viên tổ hòa giải ấp đều có mặt chứng kiến ký tên vào biên bản hòa giải. Đối với tờ cam kết ký ngày 13/3/2017 bà N cũng không có phản đối hay đi trình báo chính quyền địa phương là bị bà C đe dọa, ép buộc phải ký vào tờ cam kết và cũng không có tài liệu nào khác chứng minh bà N không có nợ tiền của bà C mà nghĩa vụ chứng minh là của đương sự. Mặc khác như lời trình bà của bà N là không có nợ tiền bà C nhưng đã trả hai lần cho bà C tổng cộng 15.000.000 đồng và cũng không có yêu cầu bà C phải trả lại số tiền 15.000.000 đồng.

Theo biên bản xác minh ngày 01/8/2024 và ngày 13/8/2024 được ông Phan Hoàng V là tổ trưởng tổ hòa giải ngày 12/3/2017 cho biết tại buổi hòa giải bà C yêu cầu vợ chồng ông M trả số tiền còn nợ 40.000.000 đồng thì ông M không thừa nhận, còn vợ ông M là bà N thì thừa nhận nợ bà C 40.000.000 đồng và hứa sẽ thanh toán cho bà C từ từ trong vòng 04 năm, mỗi năm trả 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu tính từ ngày 13/3/2017 đến ngày 13/3/2021 và bà N có ký vào biên bản hòa giải.

Theo biên bản xác minh ngày 13/8/2024 được bà Mạch Thị X là tổ viên của tổ hòa giải ngày 12/3/2017 trình bày: Vào ngày 12/3/2017 tổ hòa giải ấp Đ, xã V có tiến hành hòa giải vụ tranh chấp nhờ mua thức ăn nuôi tôm dùm giữa bà Trần

Thị C và ông Nguyễn Văn M, trong buổi hòa giải bà C yêu cầu vợ chồng ông M trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm ở chợ K còn nợ 40.000.000 đồng, thì ông M không thừa nhận, còn vợ ông M là bà Nguyễn Thị N có thừa nhận nợ bà C 40.000.000 đồng và hứa sẽ thanh toán cho bà C từ từ trong vòng 04 năm, mỗi năm trả 10.000.000 đồng, thời gian bắt đầu tính từ ngày 13/3/2017 đến ngày 13/3/2021 và bà N có ký vào biên bản hòa giải.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 26/6/2024 (BL58) ông Nguyễn Văn M là chồng bà Nguyễn Thị N có trình bày biên bản hòa giải cơ sở ngày 12/3/2017 và tờ cam kết ngày 13/3/2017 có chữ ký và chữ viết của vợ ông M là bà Nguyễn Thị N và tại buổi hòa giải có mặt ông M tham dự.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Trần Thị C có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà N phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nhưng do bị đơn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, bị đơn N được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 278, Điều 280 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Cá đối v bị đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trần Thị C số tiền còn nợ là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Trần Thị C có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Nguyễn Thị N phải trả lãi suất theo

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Do bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, bà N được miễn án phí.

- Bà Trần Thị C không phải chịu án phí sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000395 ngày 06/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Chiêu Hùng